

**ỦY BAN DÂN TỘC**

Số: **968** /UBDT-VP135

V/v hướng dẫn công tác Báo cáo  
thực hiện Chương trình 135

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Hà Nội, ngày 14 tháng 9 năm 2017*

Kính gửi: Ủy ban nhân dân.....

Thực hiện Khoản 2, Điều 15, Thông tư số 01/2017/TT-UBDT ngày 10/5/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc quy định chi tiết thực hiện Dự án 2 (Chương trình 135) thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 – 2020, Ủy ban Dân tộc hướng dẫn công tác báo cáo thực hiện Chương trình 135 như sau:

**I. Cơ quan thực hiện và kỳ báo cáo:**

- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện Chương trình 135: Thực hiện báo cáo 6 tháng, báo cáo năm, báo cáo giai đoạn, báo cáo nhiệm kỳ.

- Cơ quan thường trực Chương trình 135 các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Thực hiện báo cáo quý, báo cáo đột xuất.

- Các cơ quan cấp huyện, tỉnh được giao thực hiện các hoạt động, công trình, dự án bằng nguồn vốn của Chương trình 135 có trách nhiệm báo cáo về tiến độ và kết quả thực hiện cho cơ quan QLNN về công tác dân tộc cùng cấp định kỳ 6 tháng, hàng năm và sau khi hoàn thành hoạt động, công trình, dự án.

**II. Yêu cầu đối với báo cáo:**

1. Đảm bảo kịp thời, chính xác, đầy đủ các chỉ tiêu và thống nhất theo hệ thống mẫu, biểu ban hành kèm theo hướng dẫn này.

2. Báo cáo ngắn gọn, đầy đủ thông tin và số liệu phản ánh rõ ràng những công việc đã thực hiện, việc chưa thực hiện, tiến độ thực hiện, giải ngân; tồn tại, khó khăn và nguyên nhân; những giải pháp thực hiện.

**III. Mẫu, biểu, quy trình và nội dung báo cáo:**

**1. Mẫu, biểu báo cáo:**

a) Mẫu số 01/BC : Mẫu Báo cáo Quý, Báo cáo 6 tháng.

b) Mẫu số 02/BC : Mẫu Báo cáo năm.

c) Biểu số 01: Tình hình thực hiện tiểu dự án hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng thuộc Chương trình 135.

d) Biểu số 02: Tình hình thực hiện tiểu dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình 135.

đ) Biểu số 03: Tình hình thực hiện tiểu dự án nâng cao năng lực cộng đồng và cán bộ cơ sở thuộc Chương trình 135.

e) Biểu số 04: Kế hoạch thực hiện tiểu dự án hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng thuộc Chương trình 135.

g) Biểu số 05: Kế hoạch thực hiện tiểu dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình 135.

h) Biểu số 06: Kế hoạch thực hiện tiểu dự án nâng cao năng lực cộng đồng và cán bộ cơ sở thuộc Chương trình 135.

i) Biểu số 07: Tổng hợp kết quả thực hiện một số chỉ tiêu Chương trình 135.

## **2. Quy trình báo cáo:**

Báo cáo được tổng hợp từ cấp huyện lên cấp tỉnh, từ cấp tỉnh lên cấp trung ương. Các biểu báo cáo được kết xuất từ phần mềm báo cáo Chương trình 135 (việc kết xuất biểu mẫu chi tiết quy định tại mục IV công văn này và hướng dẫn tại địa chỉ <http://baocao.chuongtrinh135.vn>).

## **3. Nội dung báo cáo:**

### **a) Báo cáo Quý, 6 tháng**

- Báo cáo bằng văn bản theo Mẫu số 01/BC

- Số liệu báo cáo tổng hợp theo Biểu số 01, Biểu số 02, Biểu số 03. Đối với báo cáo quý III bổ sung số liệu tổng hợp theo Biểu số 04, Biểu số 05, Biểu số 06 của kế hoạch năm sau.

### **b) Báo cáo năm**

- Báo cáo bằng văn bản theo Mẫu số 02/BC.

- Số liệu báo cáo tổng hợp theo Biểu số 01, Biểu số 02, Biểu số 03, Biểu số 07.

## **IV. Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác báo cáo:**

**1. Phần mềm báo cáo:** Ủy ban Dân tộc đã xây dựng phần mềm hỗ trợ công tác tổng hợp báo cáo Chương trình 135 trên cơ sở các biểu mẫu báo cáo. Phần mềm được đăng tải trên địa chỉ: <http://baocao.chuongtrinh135.vn>. Phần mềm được xây dựng gồm các phân hệ sau:

- Phân hệ báo cáo cấp huyện;
- Phân hệ báo cáo cấp tỉnh;
- Phân hệ báo cáo cấp trung ương.

Theo phân cấp, các đơn vị thực hiện báo cáo có trách nhiệm: Tải và cài đặt phần mềm theo hướng dẫn và cập nhật số liệu vào phần mềm.

## **2. Quy trình báo cáo:**

- Ủy ban nhân dân cấp huyện cập nhật số liệu vào phần mềm, kết xuất dữ liệu tổng hợp, gửi UBND tỉnh và cơ quan thường trực Chương trình 135 cấp tỉnh.

- Cơ quan thường trực Chương trình 135 cấp tỉnh tổng hợp số liệu từ báo cáo của cấp huyện, hoàn thiện báo cáo và kết xuất dữ liệu theo yêu cầu báo cáo, báo cáo UBND cấp tỉnh.

- Quy trình báo cáo từ cấp tỉnh lên Ủy ban Dân tộc thực hiện theo mục 1, công văn này.

(Mô hình quy trình báo cáo gửi kèm theo văn bản hướng dẫn này).

## **V. Thời gian gửi báo cáo:**

- Báo cáo quý gửi trước ngày 20 của tháng cuối quý. Báo cáo 6 tháng gửi trước ngày 15 của tháng 6 hằng năm. Báo cáo năm gửi trước ngày 05 của tháng 12 hằng năm.


- Báo cáo bằng văn bản gửi: Ủy ban Dân tộc, Số 80 Phan Đình Phùng, Quận Ba Đình, Hà Nội. Bản mềm của Báo cáo và số liệu kết xuất từ phần mềm gửi qua hòm thư điện tử theo địa chỉ: [vanphongdieuphoi135@cema.gov.vn](mailto:vanphongdieuphoi135@cema.gov.vn)

## **VI. Tổ chức thực hiện:**

- Giao Văn phòng Điều phối Chương trình 135 phối hợp với các đơn vị chức năng của Ủy ban Dân tộc tổ chức tập huấn, hướng dẫn công tác báo cáo và ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác báo cáo cho một số công chức làm công tác tổng hợp Chương trình 135 cấp tỉnh, huyện theo hình thức tập huấn giảng viên.

- Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo tổ chức tập huấn, hướng dẫn cho đội ngũ công chức làm công tác tổng hợp các cấp của địa phương; thực hiện công tác báo cáo đảm bảo đúng yêu cầu, nội dung theo quy định tại văn bản này.

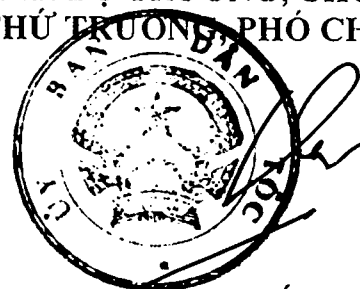
Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu phát hiện những vấn đề chưa phù hợp cần bổ sung, sửa đổi, đề nghị các địa phương và đơn vị có liên quan phản ánh kịp thời về Ủy ban Dân tộc (Văn phòng Điều phối Chương trình 135).

Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh quan tâm chỉ đạo thực hiện./. 

**Nơi nhận:** 

- Như trên;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài Chính, Lao động – Thương binh và xã hội, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Các Thứ trưởng, Phó Chủ nhiệm UBNDT;
- Cơ quan Thường trực CT135 cấp tỉnh;
- Công TTĐT của Ủy ban Dân tộc;
- Lưu: VT, VP135 (05b). **110**

**KT. BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM  
THỨ TRƯỞNG, PHÓ CHỦ NHIỆM**



**Đinh Quế Hải**

## **MẪU SỐ 01/BC**

(Kèm theo công văn số ~~268~~ **268**./UBND-VP135 ngày ~~19~~ **19**./~~9~~ **9**/2017. của Ủy ban Dân tộc)

### **BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH 135**

**QUÝ ... /6 THÁNG NĂM 20 ...**

#### **I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH**

- Đặc điểm về Chương trình 135 của tỉnh.
- Công tác tổ chức chỉ đạo thực hiện.
- Những thuận lợi, khó khăn trong quá trình triển khai Chương trình.

#### **II. ĐÁNH GIÁ TIẾN ĐỘ, CHẤT LƯỢNG VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN CỦA CHƯƠNG TRÌNH 135**

##### **1. Tiểu dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất**

- Vốn kế hoạch, vốn thực hiện (kể cả nguồn vốn khác).
- Vốn đã phân bổ, triển khai thực hiện cho các nội dung hỗ trợ đầu tư PTSX.
- Số hộ hưởng lợi.
- Tiến độ thực hiện.
- Tỷ lệ giải ngân (%).
- Đánh giá tình hình thực hiện Tiểu dự án.

##### **2. Tiểu dự án Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng.**

###### *a) Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng*

- Vốn kế hoạch, vốn thực hiện (kể cả nguồn vốn khác).
- Vốn đã phân bổ, triển khai thực hiện đầu tư cho các công trình CSHT.
- Số công trình do xã làm chủ đầu tư.
- Số công trình thực hiện theo cơ chế đặc thù về đầu tư xây dựng.
- Tiến độ thực hiện.
- Tỷ lệ giải ngân (%).
- Đánh giá tình hình thực hiện Tiểu dự án.

###### *b) Duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng*

- Vốn kế hoạch, vốn thực hiện (kể cả nguồn vốn khác).
- Vốn đã phân bổ, triển khai thực hiện duy tu, bảo dưỡng cho các công trình CSHT.
- Số công trình do xã làm chủ đầu tư.
- Tiến độ thực hiện.
- Tỷ lệ giải ngân (%).

- Đánh giá tình hình thực hiện Tiểu dự án.

### **3. Tiểu dự án Nâng cao năng lực cộng đồng và cán bộ cơ sở**

- Vốn kế hoạch, vốn thực hiện (kể cả nguồn vốn khác).
- Vốn đã phân bổ, triển khai thực hiện các hoạt động nâng cao năng lực (Ban Dân tộc, các huyện).
- Nội dung các hoạt động nâng cao năng lực.
- Số lượt người được tham gia (Người dân, cán bộ)
- Tiến độ thực hiện.
- Tỷ lệ giải ngân (%).
- Đánh giá tình hình thực hiện Tiểu dự án.

### **4. Đánh giá về kết quả lồng ghép, huy động nguồn lực nhằm thực hiện đồng bộ các nội dung của Chương trình 135.**

### **5. Vướng mắc, khó khăn về cơ chế quản lý, phương thức chỉ đạo điều hành.**

### **III. TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH QUÝ .....**

1. Dự kiến các nội dung thực hiện (thông tin chi tiết thêm về những công trình theo nhu cầu của cộng đồng, về phong tục, tập quán, tính khách quan do địa hình...)

2. Dự kiến tiến độ thực hiện (6 tháng đối với báo cáo quý I, cả năm đối các báo cáo khác)

3. Giải pháp thực hiện

### **IV/ KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT**

## MẪU SỐ 02/BC

(Kèm theo công văn số ~~968~~/UBDT-VP135 ngày ~~17~~/9/2017 của Ủy ban Dân tộc)

### BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH 135 NĂM 20...

#### I/ CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH

##### 1. Đặc điểm về Chương trình 135 của tỉnh

- Báo cáo tổng quan về Chương trình 135 ở tỉnh: Số xã, số thôn bản, số hộ, số dân, tỷ lệ hộ nghèo chung của cả tỉnh, năm...
- Số xã, thôn bản ĐBKK ở xã KV II, III số hộ, số khẩu, tỷ lệ hộ nghèo các xã, thôn bản ĐBKK, trong đó tách riêng các nội dung số hộ, số khẩu, tỷ lệ hộ nghèo của người dân tộc thiểu số thuộc phạm vi Chương trình 135 năm...
- Những thuận lợi, khó khăn trong quá trình triển khai Chương trình.

##### 2. Công tác tổ chức chỉ đạo thực hiện

###### a) Việc thành lập và hoạt động của bộ máy chỉ đạo, điều hành

- Các văn bản chỉ đạo, điều hành, quy định, hướng dẫn của tỉnh.
- Phân cấp quản lý thực hiện: Phê duyệt quyết định đầu tư, thẩm định, duyệt thiết kế, dự toán công trình, chỉ định thầu.
- Tình hình phân cấp xã làm chủ đầu tư: Số xã làm chủ đầu tư, lĩnh vực làm chủ đầu tư: dự án Cơ sở hạ tầng, phát triển sản xuất (số dự án, số công trình, mức vốn... do xã làm chủ đầu tư)
  - Thực hiện nguyên tắc phân bổ vốn: Phân bổ theo tiêu chí hay chia đều
  - Thực hiện nguyên tắc dân chủ công khai và sự tham gia của cộng đồng;
  - Ban Giám sát xã và hiệu quả hoạt động;
  - Thực hiện nguyên tắc: Xã có công trình, dân có việc làm và tăng thêm thu nhập (số ngày công tham gia, kinh phí trả cho người dân tham gia lao động, tỷ lệ %...)
  - Cơ chế quản lý, khai thác công trình sau khi hoàn thành đưa vào sử dụng, (Văn bản do UBND tỉnh ban hành, kết quả: Vốn, ngày công...).
  - Công tác tuyên truyền về Chương trình 135: Hình thức hoạt động, số hoạt động về truyền thông, số công trình được gắn biển ghi tên công trình thuộc Chương trình 135.

###### b) Công tác kiểm tra, giám sát thực hiện

- Kiểm tra của các cơ quan thuộc tỉnh, huyện và kết quả phát hiện, xử lý
- Kiểm tra giám sát của các Bộ, ngành TW, các kiến nghị
- Tham gia giám sát của các tổ chức đoàn thể, của nhân dân

## II/ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH 135

### **1. Tiểu dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất**

- Vốn kế hoạch, vốn thực hiện (kể cả nguồn vốn khác).
- Vốn đã phân bổ, triển khai thực hiện cho các nội dung hỗ trợ đầu tư PTSX.
- Số hộ hưởng lợi
- Tiến độ thực hiện.
- Tỷ lệ giải ngân (%).
- Đánh giá tình hình thực hiện Tiểu dự án.

### **2. Tiểu dự án Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng.**

#### ***a) Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng***

- Vốn kế hoạch, vốn thực hiện (kể cả nguồn vốn khác).
- Vốn đã phân bổ, triển khai thực hiện đầu tư cho các công trình CSHT.
- Số công trình do xã làm chủ đầu tư.
- Số công trình thực hiện theo cơ chế đặc thù về đầu tư xây dựng.
- Tiến độ thực hiện.
- Tỷ lệ giải ngân (%).
- Đánh giá tình hình thực hiện Tiểu dự án.

#### ***b) Duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng***

- Vốn kế hoạch, vốn thực hiện (kể cả nguồn vốn khác).
- Vốn đã phân bổ, triển khai thực hiện duy tu, bảo dưỡng cho các công trình CSHT.
- Số công trình do xã làm chủ đầu tư.
- Tiến độ thực hiện.
- Tỷ lệ giải ngân (%).
- Đánh giá tình hình thực hiện Tiểu dự án.

### **3. Tiểu dự án Nâng cao năng lực cộng đồng và cán bộ cơ sở**

- Vốn kế hoạch, vốn thực hiện (kể cả nguồn vốn khác).
- Vốn đã phân bổ, triển khai thực hiện các hoạt động nâng cao năng lực (Ban Dân tộc, các huyện).
- Nội dung các hoạt động nâng cao năng lực.
- Số lượt người được tham gia (Người dân, cán bộ)
- Tiến độ thực hiện.
- Tỷ lệ giải ngân (%).
- Đánh giá tình hình thực hiện Tiểu dự án.

**4. Đánh giá về kết quả lồng ghép, huy động nguồn lực nhằm thực hiện đồng bộ các nội dung của Chương trình 135.**

**5. Đánh giá tác động của Chương trình 135.**

- Về kinh tế-xã hội: Tác động của dự án tăng thu nhập bình quân đầu người, giảm tỷ lệ hộ nghèo, giảm bệnh dịch, tăng số học sinh đến trường, tăng số xã làm chủ đầu tư...

- Các mục tiêu đạt được, dự kiến số xã, thôn hoàn thành mục tiêu Chương trình 135.

- Các mục tiêu chưa đạt được (nêu rõ nguyên nhân, giải pháp thực hiện).

**6. Khó khăn, vướng mắc và đề xuất, kiến nghị**

- Những khó khăn vướng mắc, nguyên nhân.

- Kiến nghị với cấp trên: Địa phương kiến nghị với cơ quan Trung ương, Thủ tướng Chính phủ giải quyết những vấn đề cần thiết thực hiện có hiệu quả để đẩy nhanh tiến độ Chương trình 135.

**III/ TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH NĂM 20...**

**1. Kế hoạch vốn, kế hoạch thực hiện các dự án của chương trình**

**2. Những mục tiêu và giải pháp thực hiện.**



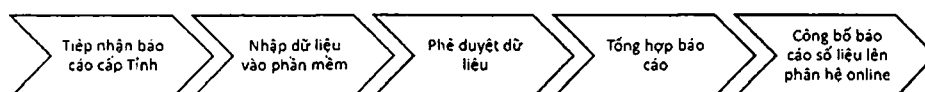


#### 4. Quy trình cấp Tỉnh



- Bước 1: Tải phần mềm từ website <http://chuongtrinh135.vn> về máy (nếu đã tải trước đó thì bỏ qua bước này)
- Bước 2: Đăng nhập vào phần mềm theo tài khoản được cấp
- Bước 3: Tổng hợp dữ liệu từ các huyện gửi lên thành dữ liệu của tỉnh
- Bước 4: Kết xuất báo cáo của tỉnh, lưu file báo cáo trên máy tính
- Bước 5: Truy cập vào hệ thống online để gửi file dữ liệu của tỉnh lên Trung ương (địa chỉ gửi file lên tỉnh: <http://baocao.chuongtrinh135.vn>)

#### 5. Quy trình cấp Trung ương



- Bước 1: Đăng nhập vào hệ thống online
- Bước 2: Tải file báo cáo của các tỉnh gửi về máy tính
- Bước 3: Tải phần mềm tổng hợp số liệu từ website của chương trình về máy (nếu đã tải trước đó thì bỏ qua bước này)
- Bước 4: Đăng nhập vào phần mềm tổng hợp
- Bước 5: Tổng hợp báo cáo của các tỉnh gửi lên
- Bước 6: Kết xuất và in báo cáo của cả nước

*(Tài liệu hướng dẫn chi tiết đã được đăng tải trên trang tin của chương trình)*

Đơn vị báo cáo: .. .

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN TIÊU DỰ ÁN HỖ TRỢ ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG CHƯƠNG TRÌNH 135 ..... NĂM 20 ....

(Kèm theo công văn số: .....)

[illegible]

[illegible]

Đơn vị báo cáo: .....

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN TIÊU DỰ ÁN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CHƯƠNG TRÌNH 135..... NĂM 20 ...  
(Kèm theo công văn số .....)

[illegible]

[illegible]

[illegible]

Đơn vị báo cáo: .....

(Kèm theo công văn số .....)

[illegible]



Biểu số 04

UBND tỉnh: .....

## KẾ HOẠCH VỐN THỰC HIỆN TIÊU DỰ ÁN HỖ TRỢ ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG CHƯƠNG TRÌNH 135 NĂM 201...

(Kèm theo công văn số: .....)

)

| TT       | Tên loại công trình                                       | Đơn vị tính | Khối lượng | Địa bàn đầu tư |         | Số lượng công trình | Nhu cầu vốn | Ghi chú |
|----------|---|-------------|------------|----------------|---------|---------------------|-------------|---------|
|          |   |             |            | Số xã          | Số thôn |                     |             |         |
| 1        | 2   | 3           | 4          | 5              | 6       | 7                   | 8           | 9       |
|          | TỔNG SỐ:  |             |            |                |         |                     |             |         |
| <b>I</b> | <b>Công trình khởi công mới</b>                           |             |            |                |         |                     |             |         |
| 1        | Công trình giao thông                                     |             |            |                |         |                     |             |         |
|          | - Đường giao thông  | Km          |            |                |         |                     |             |         |
|          | - Cầu   | Cầu         |            |                |         |                     |             |         |
|          | ...   |             |            |                |         |                     |             |         |
| 2        | Công trình thủy lợi                                       |             |            |                |         |                     |             |         |
|          | - Đập thủy lợi  | Đập         |            |                |         |                     |             |         |
|          | - Kênh mương  | Km          |            |                |         |                     |             |         |
|          | ...   |             |            |                |         |                     |             |         |
|          | - Năng lực tưới tiêu tăng thêm                            | ha          |            |                |         |                     |             |         |
| 3        | Công trình điện   |             |            |                |         |                     |             |         |
|          | - Trạm hạ thế   | Trạm        |            |                |         |                     |             |         |
|          | - Cột và đường dây  | Km          |            |                |         |                     |             |         |
|          | ...   |             |            |                |         |                     |             |         |
| 4        | Nhà văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng, trạm phát thanh ... |             |            |                |         |                     |             |         |
|          | - Trạm chuyển tiếp phát thanh                             | Trạm        |            |                |         |                     |             |         |
|          | - Nhà văn hóa   | Nhà         |            |                |         |                     |             |         |
|          | - Nhà sinh hoạt cộng đồng                                 | Nhà         |            |                |         |                     |             |         |
|          | ...   |             |            |                |         |                     |             |         |

|  |  |   |  |  |  |  |
|--|--|---|--|--|--|--|
| 5  | Công trình y tế<br>- Trạm y tế<br>- Trang thiết bị, dụng cụ y tế<br>- Giường bệnh  | Trạm<br>Thiết bị<br>Giường              |  |  |  |  |
| 6  | Công trình giáo dục<br>- Trường học<br>- Trang thiết bị, đồ dùng dạy học<br>- Các công trình giáo dục khác   | Lớp<br>Gối<br>C.trình                   |  |  |  |  |
| 7  | Công trình nước sinh hoạt<br>- Tổng số công trình nước sinh hoạt<br>Trong đó<br>+ Công trình nước SH tập trung<br>- Công trình nước SH phân tán<br>- Số hộ hưởng lợi | C.trình<br><br>C.trình<br>C.trình<br>Hộ |  |  |  |  |
| 8  | Công trình khác (chỉ tiết theo nhóm)   |   |  |  |  |  |
| II Công trình chuyên tiếp<br>(Hạng mục 1-8, không bao gồm nội dung chi tiết)       |  |   |  |  |  |  |
| III Dạy tu bảo dưỡng công trình<br>(Hạng mục 1-8, không bao gồm nội dung chi tiết) |  |   |  |  |  |  |
| Trong đó số Công trình 135   |  |   |  |  |  |  |

Biểu số 05

UBND tỉnh: .....

KẾ HOẠCH VỐN THỰC HIỆN TIÊU DỰ ÁN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CHƯƠNG TRÌNH 135 NĂM 201...

(Kèm theo công văn số: .....)

| TT         | Nội dung  | Đơn vị tính | Khối lượng | Số hộ thụ hưởng | Địa bàn đầu tư |          | Nhu cầu vốn | Ghi chú  |
|------------|---|-------------|------------|-----------------|----------------|----------|-------------|----------|
|            |   |             |            |                 | Số xã          | Số thôn  |             |          |
| <i>I</i>   | <i>2</i>  | <i>3</i>    | <i>4</i>   | <i>5</i>        | <i>6</i>       | <i>7</i> | <i>8</i>    | <i>9</i> |
|            | <i>Cộng</i>                                     |             |            |                 |                |          |             |          |
| <b>I</b>   | <b>Hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, vật tư</b> |             |            |                 |                |          |             |          |
| 1          | Giống cây trồng                                 | Cây         |            |                 |                |          |             |          |
| 2          | Vật nuôi  | Con         |            |                 |                |          |             |          |
| 3          | Hỗ trợ làm chuồng trại chăn nuôi                | m2          |            |                 |                |          |             |          |
| 4          | Vật tư chủ yếu                                  | Kg, liều    |            |                 |                |          |             |          |
| <b>II</b>  | <b>Hỗ trợ xây dựng mô hình PTSX</b>             | Mô hình     |            |                 |                |          |             |          |
| <b>III</b> | <b>Hỗ trợ đào tạo tập huấn</b>                  | Lượt người  |            |                 |                |          |             |          |
| <b>IV</b>  | <b>Hỗ trợ máy móc, thiết bị</b>                 | Cái         |            |                 |                |          |             |          |
| <b>V</b>   | <b>Hỗ trợ hoạt động khác</b>                    |             |            |                 |                |          |             |          |

UBND tỉnh: .....

(Kèm theo công văn số: .....)

[illegible]

Biểu số 07

UBND tỉnh: .....

## TỔNG HỢP THỰC HIỆN MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHƯƠNG TRÌNH 135

(Kèm theo công văn số .....)

| TT         | Các chỉ số  | Năm 2016 | Năm 2017 | Năm 2018 | Năm 2019 | Năm 2020 |
|------------|---|----------|----------|----------|----------|----------|
| <b>I</b>   | <b>Chỉ tiêu chung</b>   |          |          |          |          |          |
| 1          | Tổng số hộ (hộ), trong đó<br>Số hộ là người dân tộc thiểu số (hộ)   |          |          |          |          |          |
| 2          | Tỷ lệ hộ nghèo (%); trong đó<br>Tỷ lệ hộ nghèo người dân tộc thiểu số (%)                                     |          |          |          |          |          |
| 3          | Tỷ lệ hộ cận nghèo (%); trong đó<br>Tỷ lệ hộ cận nghèo người dân tộc thiểu số (%)                             |          |          |          |          |          |
| 4          | Tổng số hộ các xã, thôn thuộc CT135 (hộ)<br>Tổng số khẩu các xã, thôn thuộc CT135                             |          |          |          |          |          |
| 5          | Tỷ lệ hộ nghèo các xã, thôn thuộc Chương trình 135  |          |          |          |          |          |
| 6          | Tỷ lệ hộ cận nghèo các xã, thôn thuộc Chương trình 135  |          |          |          |          |          |
| 7          | Thu nhập bình quân đầu người (triệu)  |          |          |          |          |          |
| 8          | Tỷ lệ lao động được đào tạo (%)   |          |          |          |          |          |
| 9          | Tỷ lệ hộ sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh   |          |          |          |          |          |
| 10         | Tỷ lệ hộ có sử dụng điện (%)  |          |          |          |          |          |
| <b>II</b>  | <b>Chỉ tiêu cấp thôn</b>  |          |          |          |          |          |
| 1          | Tổng số thôn thực hiện CT135 (thôn)   |          |          |          |          |          |
| 2          | Tỷ lệ thôn có đường cho xe cơ giới (%)  |          |          |          |          |          |
| 3          | Tỷ lệ thôn có đường giao thông đạt chuẩn (%)  |          |          |          |          |          |
| 4          | Tỷ lệ thôn, bản có điện lưới quốc gia (%)   |          |          |          |          |          |
| <b>III</b> | <b>Chỉ tiêu cấp xã</b>  |          |          |          |          |          |
| 1          | Tổng số xã thực hiện CT135 (xã)   |          |          |          |          |          |
| 2          | Tỷ lệ xã có đường ô tô đến trung tâm xã (%)   |          |          |          |          |          |
| 3          | Tỷ lệ xã có đường trục xã, liên xã được nhựa hoá hoặc bê tông hoá đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT (%) |          |          |          |          |          |
| 4          | Xã có trạm y tế (xã)  |          |          |          |          |          |
| 5          | Tỷ lệ xã có trạm y tế đạt chuẩn (%)   |          |          |          |          |          |
| 6          | Tỷ lệ xã có hệ thống thủy lợi cơ bản đáp ứng yêu cầu sản xuất và dân sinh (%)                                 |          |          |          |          |          |
| 7          | Tỷ lệ xã có trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, THCS có cơ sở vật chất đạt chuẩn quốc gia (%)    |          |          |          |          |          |
| 8          | Số xã làm chủ đầu tư các công trình hạ tầng   |          |          |          |          |          |
| 9          | Số xã làm chủ đầu tư dự án phát triển sản xuất  |          |          |          |          |          |
| 10         | Số xã thành lập ban giám sát cộng đồng  |          |          |          |          |          |
| 11         | Số xã thành lập tổ tự quản các công trình hạ tầng   |          |          |          |          |          |
| 12         | Số xã có nhóm thợ cộng đồng triển khai nội dung xây dựng công trình hạ tầng                                   |          |          |          |          |          |
| 13         | Số xã có nhóm thợ cộng đồng triển khai nội dung duy tu bảo dưỡng công trình                                   |          |          |          |          |          |